

Thái độ của thanh thiếu niên Việt Nam về hôn nhân và gia đình

Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Hồng

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa trên số liệu Điều tra Thanh niên và vị thành niên Việt Nam lần thứ hai (SAVY, 2009) và số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006, bài viết phân tích thái độ và sự biến đổi thái độ của thanh thiếu niên Việt Nam về một số vấn đề hôn nhân và gia đình. Kết quả phân tích cho thấy tình trạng nam nữ chung sống không kết hôn được một bộ phận thanh thiếu niên chấp nhận và tỷ lệ chấp nhận có xu hướng tăng lên sau 3 năm. Nhóm thanh thiếu niên là nam giới, sinh sống ở thành thị, có sử dụng Internet có tỷ lệ chấp nhận hiện tượng xã hội này cao hơn nhóm nữ giới, nhóm sống ở nông thôn và nhóm không sử dụng Internet. Tỷ lệ chấp nhận việc “phụ nữ không chồng mà có con” cũng gia tăng đáng kể sau 3 năm. Một bộ phận thanh thiếu niên có xu hướng chấp nhận sống độc thân như là một lối sống. Và vẫn còn một số lượng đáng kể thanh thiếu niên coi trọng việc phải có con trai. Bài viết đã nêu lên một số gợi ý về chính sách nhằm định hướng thái độ tích cực của thanh thiếu niên về quan hệ hôn nhân và gia đình.

Từ khóa: Thanh niên; Hôn nhân và gia đình; Chung sống không kết hôn; Độc thân; Phụ nữ không chồng có con.

Hôn nhân, gia đình là những vấn đề cơ bản trong đời sống của thanh thiếu niên hiện nay. Việc tìm hiểu thái độ của thanh thiếu niên đối với một số vấn đề hôn nhân và gia đình trong bối cảnh biến đổi xã hội có ý nghĩa

4 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 21, số 4, tr.3-14

quan trọng trong việc định hướng hành động của thanh thiếu niên trong tương lai, giúp họ sẵn sàng bước vào đời sống hôn nhân, gia đình với nhiều biến đổi.

Thái độ là xu hướng phản ứng (tích cực hay tiêu cực; đồng tình, ủng hộ hay không đồng tình, phản đối) của cá nhân đối với các đối tượng và tình huống mà người đó gặp phải thông qua nhận thức, tình cảm và cách ứng xử của mình. Thái độ được hình thành trong quá trình cá nhân gia nhập vào các quan hệ xã hội và mang tính lịch sử. Thái độ của thanh thiếu niên về một số giá trị liên quan đến hôn nhân và gia đình được tìm hiểu qua thái độ chấp nhận của họ đối với 4 nội dung: 1) Nam nữ sống chung mà không đăng ký kết hôn/ không cưới xin; 2) Phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con; 3) Sống độc thân (không bao giờ kết hôn); 4) Ngày nay không nhất thiết phải sinh con trai. Các phương án trả lời là: chấp nhận, tùy theo hoàn cảnh, hoặc không chấp nhận.

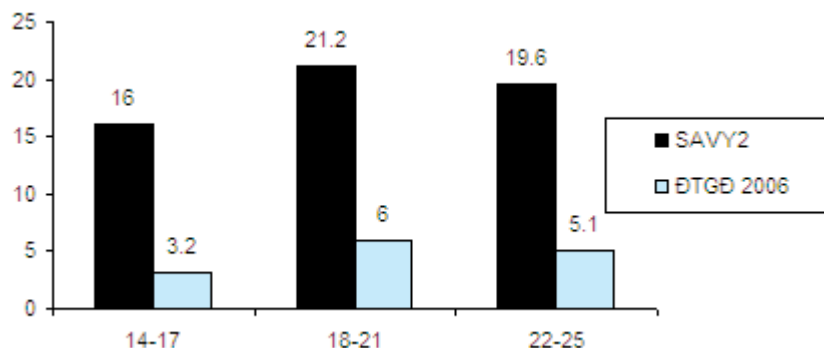
Bài viết sử dụng số liệu Điều tra Thanh niên và vị thành niên Việt Nam lần thứ hai năm 2009 (SAVY2) và Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 để phân tích sự biến đổi thái độ của thanh thiếu niên giữa hai cuộc khảo sát. Các kết quả nghiên cứu được trình bày dưới 3 hình thức: phân tích mô tả, phân tích nhị biến và phân tích đa biến. Phân mô tả được trình bày thông qua các bảng tần xuất, cung cấp thông tin về quan niệm, thái độ của thanh thiếu niên với các vấn đề đặt ra. Phân tích nhị biến xem xét mối quan hệ giữa từng đặc trưng nhân khẩu xã hội của thanh thiếu niên: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, mức sống và các yếu tố khác với thái độ của họ. Cuối cùng, các đặc trưng nhân khẩu xã hội sử dụng trong phân tích nhị biến được đưa vào mô hình phân tích đa biến để kiểm nghiệm ảnh hưởng thực sự của mỗi yếu tố đến thái độ của thanh thiếu niên trong mối quan hệ với các yếu tố khác.

1. Thái độ chấp nhận chung sống không đăng ký kết hôn (không cưới xin) tăng lên

Phần lớn thanh thiếu niên (81,7%) không chấp nhận việc nam nữ chung sống mà không đăng ký kết hôn. Chỉ có 3,6% thanh thiếu niên chấp nhận giá trị này và 14,7% thanh thiếu niên có thể chấp nhận tùy theo hoàn cảnh nhất định. Nếu xếp những người chọn phương án “tùy theo hoàn cảnh” vào nhóm “chấp nhận” thì có khoảng 1/5 thanh niên chấp nhận việc nam nữ chung sống không kết hôn/ không cưới xin (18,3%).

Vì ở SAVY1 không tìm hiểu về vấn đề này nên để đánh giá về xu

Biểu 1. Tỷ lệ chấp nhận “nam nữ chung sống không đăng ký kết hôn” chia theo độ tuổi (so sánh hai cuộc điều tra)



hướng thay đổi thái độ chấp nhận chung sống không đăng ký kết hôn, chúng tôi sử dụng số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 (mẫu đại diện các hộ gia đình toàn quốc) để so sánh⁽¹⁾. Có thể thấy xu hướng gia tăng thái độ chấp nhận đối với việc chung sống không kết hôn ở cả ba nhóm tuổi (lưu ý là Điều tra Gia đình Việt Nam nghiên cứu nhóm vị thành niên ở độ tuổi 15-17 trong khi ở SAVY2 là 14-17). Số liệu từ Biểu 1 cho thấy, trong khoảng từ năm 2006 đến 2009, tỷ lệ chấp nhận hiện tượng nam nữ chung sống không kết hôn trong thanh thiếu niên ở các nhóm tuổi khác nhau tăng lên từ 3 đến 5 lần. Chẳng hạn, tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này của thanh niên 22-25 tuổi của Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 là 5,1%, của điều tra SAVY2 là 19,6% (cao hơn 3,8 lần).

Về mặt luật pháp, nước ta đã có quy định chi tiết về đăng ký kết hôn (Nghị định của Chính phủ số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001); hướng dẫn thi hành một số quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị định số 35/2000/QH 10 của Quốc hội (Thông tư của Bộ Tư pháp số 72/2001/TT-BTP ngày 28/6/2000); qui định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình (Nghị định của Chính phủ số 87/2001/NĐ-CP ngày 21/11/2001). Theo quy định của pháp luật, “nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng” (Điều 11, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000).

Tuy nhiên, trên thực tế, trong những năm gần đây, không ít nam nữ thanh niên đã lựa chọn cách chung sống mà không đăng ký kết hôn, đặc biệt ở nhóm thanh niên công nhân, sinh viên. Hình thức chung sống này thường không bền vững và người chịu thiệt thòi thường là phụ nữ. Những nghiên cứu về hôn nhân thực tế (tình trạng chung sống không kết hôn)

cũng chỉ ra rằng khi hôn nhân thực tế tan vỡ, quyền lợi của người vợ hoặc người chồng có nhiều khả năng bị vi phạm bởi họ không được luật pháp bảo vệ. Kết quả nghiên cứu về thái độ của thanh thiếu niên đối với việc đăng ký kết hôn cho thấy mặc dù đăng ký kết hôn là quy định bắt buộc đối với thanh niên bước vào đời sống hôn nhân, song khi còn một bộ phận thanh thiếu niên chấp nhận việc nam nữ chung sống không kết hôn thì trong thực tế nhiều khả năng quy định pháp luật này sẽ bị vi phạm. Nguyên nhân có thể là do sự thiếu hiểu biết về Luật Hôn nhân và Gia đình, thiếu nhận thức về những hậu quả mà việc chung sống không kết hôn gây ra, những ảnh hưởng của lối sống tự do phương Tây,... Như vậy, tăng cường truyền thông về Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như về những hậu quả của chung sống không kết hôn trong chương trình giáo dục tiền hôn nhân cho thanh thiếu niên là rất cần thiết.

Nam thanh thiếu niên có tỷ lệ chấp nhận hiện tượng “nam nữ chung sống không đăng ký kết hôn” cao hơn nữ (22% so với 14,7%). Tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này của thanh thiếu niên sinh sống ở thành thị là 25,9%, cao hơn 10 điểm phần trăm so với tỷ lệ của số sống ở nông thôn. Thanh thiếu niên dân tộc Kinh/ Hoa có tỷ lệ chấp nhận việc nam nữ chung sống không đăng ký kết hôn cao hơn nhóm dân tộc thiểu số (19,1% so với 14%). Về độ tuổi, nhóm tuổi thanh niên (18 trở lên) có tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này nhiều hơn nhóm tuổi vị thành niên (14-17 tuổi). Tỷ lệ chấp nhận việc nam nữ chung sống không kết hôn của nhóm 14-17 tuổi là 16%, ở nhóm 18-21 tuổi là 21,2%, nhóm 22-25 tuổi là 19,6%.

Để làm rõ hơn các yếu tố tác động đến thái độ chấp nhận hiện tượng “nam nữ chung sống không đăng ký kết hôn/ không cưới xin”, mô hình hồi qui đa biến logistic với các biến số độc lập: giới tính, dân tộc, độ tuổi, khu vực sinh sống, trình độ học vấn, mức độ sử dụng Internet đã được xây dựng. Biến số phụ thuộc là: “Có chấp nhận hiện tượng “nam nữ chung sống không đăng ký kết hôn” (1-có; 0-không). Kết quả cho thấy yếu tố dân tộc không ảnh hưởng đáng kể đến thái độ của thanh thiếu niên đối với hiện tượng này. Trong khi đó, các yếu tố: giới tính, khu vực sinh sống, mức độ sử dụng Internet có ảnh hưởng mạnh đến thái độ chấp nhận việc chung sống không đăng ký kết hôn của thanh thiếu niên. Cụ thể, nhóm thanh thiếu niên là nam giới, sinh sống ở thành thị, có sử dụng Internet có mức độ chấp nhận hiện tượng xã hội này cao hơn nhóm nữ giới, nhóm sống ở nông thôn và nhóm không sử dụng Internet. Độ tuổi cũng có ảnh hưởng nhất định đến thái độ của thanh thiếu niên về hiện tượng này. Mức độ những người từ 18 tuổi trở lên chấp nhận “nam nữ chung sống không đăng ký kết hôn” cao hơn so với nhóm vị thành niên 14-17 tuổi (xem Bảng 1).

Bảng 1. Yếu tố tác động đến thái độ chấp nhận “nam nữ chung sống mà không đăng ký kết hôn/ không cưới xin” (SAVY2)

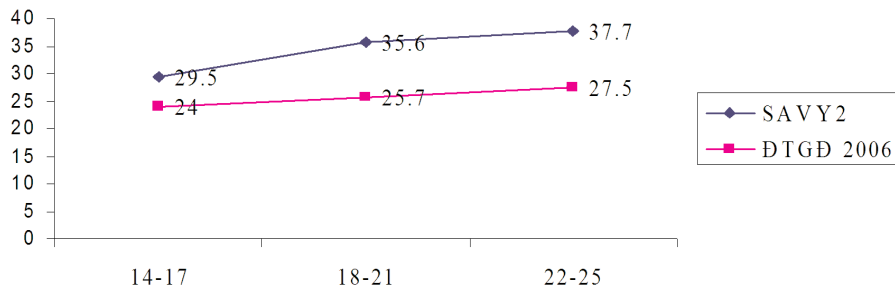
	Biến số độc lập	Tỷ số chênh lệch	Số lượng
Giới tính			
	Nam	1,64***	4831
	Nữ	1	4785
Dân tộc			
	Kinh/Hoa	1,16	7876
	Dân tộc TS	1	1740
Khu vực sinh sống			
	Thành thị	1,53***	2173
	Nông thôn	1	7443
Nhóm tuổi			
	14-17	0,80**	4686
	18-21	1,05	2795
	22-25	1	2135
Trình độ học vấn đạt được			
	Tiểu học trở xuống	0,89	663
	Trung học cơ sở	0,54***	3507
	Trung học phổ thông + Học nghề	0,77**	4663
	Cao đẳng trở lên	1	783
Mức độ sử dụng internet			
	Không sử dụng	0,64***	3903
	Thấp 1=6giờ/tuần	0,91	3340
	Cao 7 giờ/tuần	1	2373
Tổng			9616

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

2. Thái độ chấp nhận hiện tượng phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con tăng lên

Đối với hiện tượng “phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con”, có 5,3% thanh thiếu niên trong tổng số 9737 người chấp nhận, 27,9% chấp nhận tùy theo hoàn cảnh và 66,8% người không chấp nhận. Nếu xếp những người chọn phương án “tùy theo hoàn cảnh” vào nhóm “chấp nhận” thì có

Biểu 2. Tỷ lệ chấp nhận “Phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con” chia theo độ tuổi (so sánh hai cuộc điều tra)



1/3 thanh thiếu niên trong tổng mẫu (9737 người) chấp nhận việc phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con.

Nữ giới có tỷ lệ chấp nhận cao hơn so với nam giới (35,5% so với 30,9%) mà nguyên nhân có lẽ là do sự đồng cảm của người cùng giới. Tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này của thanh thiếu niên sống ở thành thị là 42,4%, cao hơn 12,2 điểm phần trăm so với tỷ lệ của nhóm sống ở nông thôn. Thanh thiếu niên dân tộc Kinh/ Hoa có tỷ lệ chấp nhận việc phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con là 34,9%. Tỷ lệ này ở nhóm dân tộc thiểu số là 23,4%. Tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này có xu hướng tăng lên theo nhóm tuổi. Có 29,5% thanh thiếu niên độ tuổi 14-17 chấp nhận hiện tượng phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con. Tỷ lệ này ở nhóm 18-21 là 35,6% và nhóm 22-25 là 37,7%.

Thanh thiếu niên thường xuyên sử dụng Internet có xu hướng chấp nhận hiện tượng xã hội này cao hơn nhóm không tiếp cận với Internet. Có 41,4% thanh thiếu niên sử dụng Internet ở mức cao (trên 7 giờ/ tuần) chấp nhận hiện tượng “phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con”. Tỷ lệ này ở nhóm không sử dụng Internet chỉ là 22,8%. Việc sử dụng Internet khiến cơ hội tiếp cận với những thông tin về trường hợp phụ nữ không kết hôn nhưng có con nhiều hơn. Vì thế, những người sử dụng Internet dễ dàng chấp nhận hiện tượng xã hội này hơn.

Số liệu Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cũng cho thấy xu hướng tương tự với sự gia tăng tỷ lệ chấp nhận hiện tượng “phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con”⁽²⁾ theo nhóm tuổi. So sánh số liệu của hai cuộc điều tra, có thể thấy tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này có sự gia tăng đáng kể về

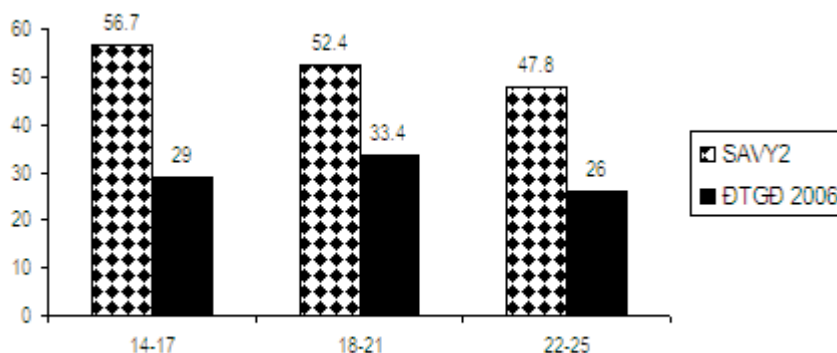
số lượng ở cả ba nhóm tuổi. Cụ thể, năm 2006, tỷ lệ thanh niên 18-21 tuổi chấp nhận việc phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con là 25,7%. Năm 2009, tỷ lệ này là 35,6%, cao hơn khoảng 10 điểm phần trăm (xem Biểu 2).

Kết quả trên cho thấy xu hướng chấp nhận hiện tượng “Phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con” ngày càng phổ biến hơn trong thanh thiếu niên. Trước đây người phụ nữ không lấy chồng nhưng có con thường phải chịu sự lên án gay gắt của xã hội, cộng đồng và gia đình. Từ khoảng những năm 90 của thế kỷ 20 trở lại đây, nhằm đảm bảo quyền được làm mẹ của người phụ nữ, Nhà nước đã chủ trương để người phụ nữ độc thân có cơ hội được sinh con. Nhờ sự phát triển của khoa học kỹ thuật, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định số 12/2003/NĐ-CP ngày 12/2/2003 về việc sinh con theo phương pháp khoa học nhằm giúp phụ nữ sống độc thân sinh con bằng hỗ trợ kỹ thuật sinh sản (thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm). Điều đó cho thấy thái độ của xã hội nói chung đối với hiện tượng “phụ nữ không lấy chồng sinh con” đã có sự thay đổi đáng kể. Trên thực tế, khả năng tự chủ về kinh tế của người phụ nữ cũng khiến nhiều người phụ nữ tự tin lựa chọn cách sống không kết hôn nhưng có con. Khi mà vấn đề quyền con người ngày càng được coi trọng, thái độ xã hội đối với việc phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con ít khắt khe hơn, rất có thể xu hướng lựa chọn lối sống này sẽ ngày càng gia tăng.

3. Gia tăng sự ủng hộ lối sống độc thân

Có 15,5% thanh thiếu niên chấp nhận hiện tượng sống độc thân (không bao giờ kết hôn), 37,9% chấp nhận hiện tượng này tùy theo trường hợp và 46,6% không chấp nhận hiện tượng này. Nghiên cứu về hiện tượng sống độc thân của nhóm phụ nữ từ 40 tuổi trở lên và nam giới từ 45 tuổi trở lên, kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 cho thấy trong khi ở các nước phương Tây sống độc thân là sự lựa chọn của những người thực sự thích cuộc sống tự do thì ở Việt Nam tình trạng sống độc thân chủ yếu là do tác động của hoàn cảnh sống. Hai nguyên nhân chính của việc sống độc thân là không tìm được người phù hợp và do hoàn cảnh gia đình (bố mẹ già, neo đơn, kinh tế khó khăn). Tuy nhiên, cũng có một bộ phận người sống độc thân là do bản thân họ thích cuộc sống tự do (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác 2008: 51). Trước đây, hôn nhân gần như là một yêu cầu nhất thiết của gia đình và xã hội đối với nam nữ thanh niên khi đến tuổi trưởng thành. Ngày nay khi thanh niên được tự do quyết định hôn nhân của mình, một bộ phận đã lựa chọn xu hướng sống độc thân, không kết hôn.

Biểu 2. Tỷ lệ chấp nhận “sống độc thân không bao giờ kết hôn” chia theo độ tuổi (so sánh hai cuộc điều tra)



Nếu xếp những người chọn phương án “tùy theo hoàn cảnh” vào nhóm “chấp nhận” thì có một nửa số thanh thiếu niên (tổng số 9465 người trả lời) chấp nhận lối sống độc thân, không kết hôn. Tỷ lệ đáng kể thanh thiếu niên chấp nhận hiện tượng sống độc thân phần nào khẳng định sự phát triển của lối sống này trong thanh niên. So với kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006⁽¹⁾ tỷ lệ chấp nhận lối sống độc thân ngày càng gia tăng trong nhóm thanh thiếu niên ở cả ba nhóm tuổi. Chẳng hạn, năm 2006, tỷ lệ chấp nhận hiện tượng sống độc thân trong nhóm thanh niên 22-25 tuổi là 26%. Tỷ lệ này của nhóm thanh niên 22-25 tuổi năm 2009 là 47,8% (xem Biểu 3). Ngoài yếu tố thanh niên ngày càng tự chủ hơn trong cuộc sống cá nhân, phải chăng sự gia tăng những vấn đề xã hội của gia đình như bạo lực gia đình, ngoại tình,... là các lý do khiến tỷ lệ thanh thiếu niên chấp nhận cuộc sống độc thân, không kết hôn ngày càng nhiều.

Với hiện tượng “sống độc thân/ không bao giờ kết hôn”, nữ giới có tỷ lệ chấp nhận cao hơn so với nam giới. Tuy nhiên, sự chênh lệch không lớn (55,4% so với 51,4%). Phải chăng việc hiểu rõ sự vất vả trong vai trò người vợ, người mẹ trong gia đình khiến nữ giới dễ chấp nhận hơn cuộc sống độc thân, không kết hôn? Tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này của thanh thiếu niên thành thị cao hơn nông thôn (62,3% so với 50,4%). Nhóm thanh thiếu niên dân tộc Kinh/ Hoa có tỷ lệ chấp nhận cao hơn 10,5 điểm phần trăm so với nhóm dân tộc thiểu số (54,9% và 44,4%). Về độ tuổi, nhóm 14-17 tuổi có xu hướng chấp nhận việc sống độc thân, không kết hôn cao hơn nhóm thanh niên 18 tuổi trở lên (xem Biểu 3).

Kết quả phân tích đa biến tiếp tục khẳng định sự tác động mạnh của các biến số: giới tính, khu vực sinh sống, độ tuổi, trình độ học vấn, việc

Bảng 2. Yếu tố tác động đến thái độ chấp nhận “sống độc thân/ không bao giờ kết hôn” (SAVY2)

	Biến số độc lập	Tỷ số chênh lệch	Số lượng
Giới tính	Nam	0,85***	4605
	Nữ	1	4592
Dân tộc	Kinh/ Hoa	1,15*	7575
	Dân tộc TS	1	1622
Khu vực sinh sống	Thành thị	1,36***	2088
	Nông thôn	1	7109
Nhóm tuổi	14-17	1,42***	4447
	18-21	1,13*	2679
	22-25	1	2071
Trình độ học vấn đạt được	Tiểu học trở xuống	0,36***	619
	Trung học cơ sở	0,48***	3328
	Trung học phổ thông + Học nghề	0,61***	4488
	Cao đẳng trở lên	1	762
Mức độ sử dụng internet	Không sử dụng	0,76***	3682
	Thấp (1=6 giờ/ tuần)	0,99	3212
	Cao (7 giờ/ tuần)	1	2303
Tổng			9197

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

sử dụng Internet đến thái độ của thanh thiếu niên chấp nhận lối sống độc thân, không kết hôn. Theo đó, xu hướng ủng hộ lối sống độc thân không chỉ thể hiện ở sự gia tăng tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này ở nhóm thanh thiếu niên năm 2009 so với nhóm tuổi tương ứng năm 2006, mà còn thể hiện ở chỗ, tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này ở thanh thiếu niên nhóm tuổi 14-17 cao hơn so với nhóm tuổi 18-21 và nhóm 22-25. Ở trình độ học vấn càng cao, tỷ lệ thanh thiếu niên chấp nhận “sống độc thân không kết hôn” càng lớn. Đồng thời, việc sử dụng Internet cũng góp phần gia tăng thái độ chấp nhận hiện tượng xã hội này trong thanh thiếu niên (xem Bảng 2).

4. Còn một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên quan niệm “nhất thiết phải có con trai”

Đối với nhận định “Ngày nay không nhất thiết phải sinh con trai”, có 87,4% thanh thiếu niên (trong tổng số 9786 người) chấp nhận. Trong những năm qua, Chính phủ đã có nhiều nỗ lực nhằm hạn chế tình trạng phân biệt con trai, con gái. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đã quy định Nhà nước và xã hội không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con, giữa con trai và con gái (Mục 5, Điều 2). Đồng thời, để hạn chế tình trạng lựa chọn giới tính thai nhi, Pháp lệnh Dân số và Nghị định 104/2003/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số đã nghiêm cấm các hành vi thông báo cho sản phụ biết giới tính thai nhi qua bắt mạch, siêu âm, loại bỏ thai nhi vì giới tính. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động truyền thông, giáo dục có nội dung không phân biệt con trai, con gái đã được triển khai. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng không nhỏ thanh thiếu niên (12,6%) coi trọng việc phải có con trai. Điều đó cho thấy cần tiếp tục chú trọng công tác truyền thông nâng cao nhận thức, đặc biệt là những chương trình truyền thông dành cho thanh thiếu niên, những đối tượng thường ít được chú ý đến.

Với quan niệm “Ngày nay không nhất thiết phải sinh con trai”, nữ giới có tỷ lệ chấp nhận cao hơn nam giới mặc dù mức chênh lệch giữa hai giới không nhiều (89,4% so với 85,5%). Tư tưởng trọng con trai cũng phổ biến ở nông thôn hơn thành thị, ở nhóm thanh thiếu niên dân tộc thiểu số hơn nhóm dân tộc Kinh/ Hoa. Cụ thể, tỷ lệ chấp nhận hiện tượng không nhất thiết phải sinh con trai ở thành thị là 91,2%, cao hơn so với ở nông thôn (86,2%). Tỷ lệ chấp nhận hiện tượng này ở nhóm dân tộc Kinh/ Hoa là 88,2%, ở nhóm dân tộc thiểu số là 82,9%. Không có sự khác biệt đáng kể trong thái độ coi trọng việc sinh con trai giữa các nhóm tuổi. Thanh thiếu niên có trình độ học vấn cao ít coi trọng việc phải có con trai trong gia đình hơn so với số có trình độ học vấn thấp hơn. Tỷ lệ chấp nhận hiện tượng “không nhất thiết phải sinh con trai” của nhóm thanh niên có trình độ cao đẳng trở lên là 94,1%, cao hơn 14,3 điểm phần trăm so với tỷ lệ của nhóm thanh thiếu niên có trình độ tiểu học trở xuống.

5. Kết luận và một số vấn đề cần quan tâm về chính sách

Nhìn chung, thực tế ở Việt Nam hiện nay, ủng hộ hôn nhân có đăng ký vẫn là xu hướng chung của đa số thanh thiếu niên. Tuy nhiên, một số người đã lựa chọn các hình thức khác cho riêng mình như không kết hôn nhưng sinh con, chung sống không đăng ký kết hôn, không kết hôn. Và điều đáng nói là việc chấp nhận các giá trị về hôn nhân, gia đình: chung

sống không kết hôn, phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con, sống độc thân, có xu hướng ngày càng phổ biến trong thanh thiếu niên, đặc biệt là trong số sống ở thành thị, nhóm dân tộc Kinh/ Hoa. Các nhóm thanh thiếu niên này có thái độ cởi mở hơn với các giá trị hôn nhân so với nhóm sống ở nông thôn, nhóm dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, trong khi nam giới có tỷ lệ chấp nhận việc chung sống không kết hôn cao hơn nữ giới thì nữ giới có tỷ lệ chấp nhận việc phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con và việc sống độc thân cao hơn. Thanh niên 18 tuổi trở lên có tỷ lệ chấp nhận việc chung sống không kết hôn, việc phụ nữ không lấy chồng nhưng sinh con, cao hơn nhóm tuổi 14-17. Tuy nhiên, nhóm 14-17 tuổi có xu hướng chấp nhận lối sống độc thân, không kết hôn nhiều hơn. Về thái độ đối với việc sinh con trai, một bộ phận đáng kể thanh thiếu niên vẫn có tư tưởng trọng nam, đặc biệt là nam giới, những người sống ở nông thôn, những người thuộc nhóm dân tộc thiểu số.

Phải thừa nhận rằng xu hướng đa dạng hóa các hình thức hôn nhân là không thể tránh khỏi trong xã hội phát triển. Tuy nhiên, chung sống không kết hôn là một hình thức chung sống đem lại nhiều thiệt thòi cho người phụ nữ và trẻ em. Về mặt luật pháp, nước ta đã có nhiều quy định về việc đăng ký kết hôn, song còn nhiều người vi phạm những quy định này và cho rằng không nhất thiết phải đăng ký kết hôn. Để phòng tránh cũng như giảm thiểu những hậu quả xã hội không mong muốn đối với những hình thức chung sống này, điều mà nhiều xã hội phương Tây đã và đang phải đối mặt, cần có những nội dung truyền thông cụ thể, phù hợp và hiệu quả cho thanh niên. Nghị quyết số 25-NQ/TW đã chỉ rõ cần đẩy mạnh các hoạt động giáo dục về vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong nâng cao chất lượng dân số, hôn nhân và xây dựng gia đình hạnh phúc, biết chăm lo và nâng cao sức khỏe bản thân; chú trọng giáo dục tiền hôn nhân, kiến thức và kinh nghiệm sống cho thanh niên. Tuy nhiên trên thực tế, việc triển khai các hoạt động giáo dục này còn rất hạn chế. Cần tiếp tục hoàn thiện nội dung chương trình giáo dục tiền hôn nhân và triển khai có hiệu quả công tác truyền thông chương trình giáo dục này. Những thông tin xây dựng gia đình hạnh phúc, bình đẳng, có đăng ký kết hôn cần được chú ý trong các chương trình giáo dục tiền hôn nhân cho thanh thiếu niên; đặc biệt chú ý công tác truyền thông cho nhóm thanh thiếu niên đã thôi học sớm, có trình độ học vấn thấp.

Kết quả phân tích cho thấy mối liên hệ giữa việc sử dụng Internet với thái độ của thanh thiếu niên về hôn nhân gia đình. Những ảnh hưởng của thông tin từ Internet có thể là tích cực song cũng có thể là tiêu cực bởi hiện nay nhiều thông tin về tình dục, tình yêu trên mạng Internet không

được kiểm soát. Trong khi chờ đợi biện pháp quản lý thông tin trên mạng Internet có hiệu quả, cần thiết chỉ dẫn cho thanh thiếu niên cách thức tránh những rủi ro khi sử dụng Internet và học cách tìm kiếm những thông tin đáng tin cậy trong vô số các nội dung có sẵn (Ngân hàng thế giới, 2006: 24).

Một bộ phận thanh thiếu niên có xu hướng chấp nhận sống độc thân như là một lối sống. Ngoài ra, thái độ của thanh thiếu niên đối với việc “phụ nữ không chồng mà có con” đã có sự thay đổi đáng kể, theo hướng gia tăng tỷ lệ chấp nhận việc này. Kết quả cũng cho thấy vẫn còn một số lượng đáng kể thanh thiếu niên coi trọng việc phải có con trai. Vì vậy, cần tiếp tục có những chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về vấn đề này cho thanh thiếu niên, nhất là đối với số ở nông thôn, dân tộc thiểu số. Trong những năm qua, công tác truyền thông kế hoạch hóa gia đình đã đề cập nhiều đến việc thay đổi quan niệm về sinh con trai, sinh con gái. Tuy nhiên, đối tượng công tác truyền thông này thường nhắm đến là những người đã lập gia đình. Cần chú ý hơn đến nhóm thanh thiếu niên chưa kết hôn, đặc biệt là những đối tượng có trình độ học vấn thấp, đã thôi học.■

Chú thích

- ⁽¹⁾ Hiện tượng đưa ra trong Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 là “Nam nữ chung sống không kết hôn”.
- ⁽²⁾ Hiện tượng đưa ra trong Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 là “Phụ nữ không có chồng nhưng có con”.
- ⁽³⁾ Hiện tượng Điều tra Gia đình Việt Nam 2006 đưa ra là “Nam/ nữ sống độc thân (không muốn lấy vợ/ chồng)”.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác. 2008. Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam 2006.
- Đặng Cảnh Khanh. 2006. *Xã hội học thanh niên*. Nxb.Chính trị quốc gia.
- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.
- Ngân hàng thế giới. 2006. *Báo cáo phát triển thế giới 2007: Phát triển và thế hệ kế cận*. Nxb. Văn hóa thông tin.
- Nghị định 104/2003/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số
- Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
- Pháp lệnh Dân số năm 2003.